TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*** ----------

Bản án số:29/2019/LHST
Ngày :13/6 /2019
Về việc: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: : Bà Nguyễn Thị Kim Liên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thành
Ông Đinh Quang Huấn

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Vân Kiều – Cán bộ Toà án
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì: Bà Đặng Thị Sơn Cầm- Kiểm s sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly Hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H - sinh năm 1983

Trú tại : CT12A, khu đô thị K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Có mặt

Bị đơn: Anh Trương Quý T - sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú: thôn Y, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 23/8/2018 và bản tự khai ngày 19/12/2018 Nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị H và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện tổ chức lễ cưới. Đến ngày 24/9/2002 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng chị và anh T sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống mọi mặt trong cuộc sống. Tháng 8/2016 chị H có làm đơn xin ly hôn và đã được Toà án nhân dân huyện T giải quyết, chị H đã rút đơn xin ly hôn vì thương con và chồng chị đã xin hứa sẽ thay đổi sửa chữa, nhưng cuộc sống của vợ chồng chị không có hạnh phúc. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Theo chị H khai, chị và anh T có 03 con chung: cháu Trương Nhật L - sinh ngày 26/8/2003, cháu Trương Hải A sinh ngày 14/4/2010, cháu Trương Gia B sinh ngày 21/8/2012. Hiện nay ba cháu đang ở với chị H. Ly hôn, chị H có nguyện vọng xin được nuôi cả ba cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: chị H và anh T tự giải quyết , không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2019 anh Trương Quý T trình bày như sau:

Anh Trương Quý T và chị Phạm Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ Ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hà Nội vào năm 2002. Sau khi tổ chức lễ cưới hai vợ chồng anh chị về chung sống tại xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do chị H nghi ngờ anh T có quan hệ ngoại tình với người đàn bà khác, chị T thi thoảng bỏ nhà đi nơi khác ở rồi lại quay về. Từ tháng 5/2018 chị T cùng ba con bỏ nhà, sống nơi khác, vợ chồng anh T và chị H sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị có 03 con chung là cháu Trương Nhật L - sinh ngày 26/8/2003, cháu Trương Hải A sinh ngày 14/4/2010, cháu Trương Gia B sinh ngày 21/8/2012. Ly hôn, anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung, không yêu cầu chị T đóng góp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: Vợ chồng anh chị tự giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay :

Chị Phạm Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Trương Quý T. Chị xin được nuôi ba con là cháu Trương Nhật L - sinh ngày 26/8/2003, cháu Trương Hải A sinh ngày 14/4/2010, cháu Trương Gia B sinh ngày 21/8/2012. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung nhà ở và công nợ: vợ chồng anh chị tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử ; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Xét thấy yêu cầu của chị H là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đề nghị hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H xin ly hôn anh T. Về tình cảm: chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trương Quý T.

Về con: Giao hai con chung Trương Nhật L - sinh ngày 26/8/2003, cháu Trương Hải A sinh ngày 14/4/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trương Gia B sinh ngày 21/8/2012. Chị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra trực tiếp tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Bị đơn - anh Trương Quý T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của bộ luật dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên toà.

2. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Phạm Thị H có quan hệ hợp pháp với anh Trương Quý T tại thôn Y, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn với anh T, nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp về ly hôn" thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về quan hệ hôn nhân :

Chị Phạm Thị H và anh Trương Quý T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/9/2002 tại xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, tiến bộ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sống tại thôn Y, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án cho H cho rằng anh T ăn chơi không có trách nhiệm với vợ con và gia đình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2018. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh T, anh không đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không tham gia các phiên hoà giải theo các thông báo của Toà án. Tại phiên toà, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà hôm nay chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh

T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình.

4.Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Trương Quý T có 03 con chung là cháu Trương Nhật L - sinh ngày 26/8/2003, cháu Trương Hải A sinh ngày 14/4/2010, cháu Trương Gia B sinh ngày 21/8/2012. Từ tháng 8 năm 2018 chị H cùng ba con chung đã ăn ở sinh sống một nơi, bản thân chị có việc làm ổn định và thu nhập là 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng/ tháng. Hơn nữa nguyện vọng của ba cháu xin được ở với mẹ. Hiện nay anh T không có công ăn việc ổn định. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh T không hợp tác thể hiện sự không quan tâm đến các con. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển về thể chất lẫn tâm sinh lý của ba con chung cần chấp nhận yêu cầu của chị H phù hợp , điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: Chị H và anh T , không tự giải quyết, không yêu cầu Toà án xem xét, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271, 272 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H về việc "Ly hôn"

1-Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trương Quý T.

2-Về con chung: Giao cháu Trương Nhật L sinh ngày 26/8/2003, cháu Trương Hải A sinh ngày 14/4/2010, cháu Trương Gia B sinh ngày 21/8/2012 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Trương Quý T có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các bên có đơn yêu cầu.

3-Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: Chị H, anh T tự giải quyết với nhau không yêu cầu Toà án không xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

4-Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng Tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số No 0008406 ngày 12/12/2018 tại cơ quan Thi hành án huyện T. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6-Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trương Quý T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án .

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Kim Liên